

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 10-3-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường V, thành phố, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn Anh là: Ông Lâm Văn Tỷ - sinh năm 1980, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G. Người đại diện theo ủy quyền lại là: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1967, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X- sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị L - sinh năm 1982 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lưu Văn Qu - sinh năm 1962 (vắng mặt).

+ Bà Lưu Thị N - sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Thành N trình bày: Vào

ngày 04/12/2018 ông Nguyễn Văn Xít, bà Huỳnh Thị L có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G vay số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018; Ngày giải ngân là 06/12/2018; Mục đích vay: Bổ sung sản xuất nông nghiệp; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 06/12/2019; Lãi suất trong hạn: 11,5%/năm áp dụng đối với khế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký HĐTD này. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất vay của các khế ước nhận nợ sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất vay điều chỉnh được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Kiên Long tại thời điểm thay đổi lãi suất (+) công biên độ 3,8%/năm và không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: Lãi vay và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Đồng thời, ông X và bà L có làm hợp đồng thế chấp tài sản số 1246/17/HĐTC-BDS/1011-0861 ngày 12/6/2017 là 04 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AN 117731, tờ bản đồ số 06, thửa số 556, diện tích là 2.100m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117732, tờ bản đồ số 06, thửa số 593, diện tích là 15.950m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117733, tờ bản đồ số 06, thửa số 513, diện tích là 3.050m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008 và giấy CNQSD đất AN 117735, tờ bản đồ số 06, thửa số 509, diện tích là 2.400m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008, cùng tọa lạc tại ấp V 1, xã V, huyện G, tỉnh K do ông X, bà L đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay ông X, bà L không thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng được đồng nào. Hiện nay, hồ sơ vay đã quá hạn 02 năm.

Nguyên vọng: Ngân hàng TMCP K - phòng giao dịch G yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là tạm tính đến ngày 10/3/2021 là 336.722.603 đồng (trong đó: Nợ gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 28.750.000đ và lãi quá hạn 54.349.315đ và tiền phạt chậm trả lãi 3.623.288đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông X và bà L không có mặt ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận ông X và bà L bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông X và bà L vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông X và bà L trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn Qu trình bày: Vào ngày 05/4/2004 ông Nguyễn Văn X có chuyển nhượng cho tôi diện tích đất là trên 2 công tầm 3 mét với giá 19 chỉ vàng 24k, còn nằm trong thửa số mấy và tờ bản đồ số mấy

tôi không biết nhưng đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K. Đồng thời, ông X có giao 01 giấy CNQSD đất cho tôi giữ nên tôi đi đăng ký cấp giấy thì cán bộ địa chính xác định là lộn giấy nên từ đó tôi không tách giấy được. Còn giấy CNQSD đất mà ông X chuyển nhượng cho tôi thì ông X đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP K. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông X, bà L trả nợ cho Ngân hàng thì có liên quan đến tôi vì tôi đang canh tác đất nên tôi yêu cầu ông X, bà L giao phần đất mà ông bà giao lộn giấy CNQSD đất cho tôi để canh tác và tôi không khởi kiện trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện ông X, bà L thành vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị N trình bày: Vào năm 2017 ông X, bà L có chuyển nhượng cho vợ chồng tôi diện tích đất là 4 công tầm 3 mét với giá 180.000.000 đồng, còn nằm trong thửa số mấy và tờ bản đồ số mấy vợ chồng tôi không biết nhưng đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K. Lúc chuyển nhượng hai bên có làm hợp đồng, có đo đạc và đóng thuế theo quy định của pháp luật nhưng do giấy CNQSD đất ông X, bà L vay tiền tại Ngân hàng nên không tách giấy CNQSD đất cho vợ chồng tôi đứng tên mà kéo dài đến nay. Trước đây ông X, bà L đã thế chấp vay tiền rồi nên vợ chồng tôi mới chuộc về giao giấy CNQSD đất cho ông X, bà L giữ để chờ tách giấy nhưng ông X, bà L lại tiếp tục đi vay tiền nữa. Vợ chồng tôi xác định diện tích đất 4 công tầm 3 mét mà vợ chồng tôi chuyển nhượng của ông X, bà L thì ông X, bà L đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông X, bà L trả nợ cho Ngân hàng thì có liên quan đến vợ chồng tôi vì vợ chồng tôi đang canh tác đất nên vợ chồng tôi không khởi kiện trong vụ án này mà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án để phát mãi đất thế chấp bao nhiêu tiền còn lại bao nhiêu vợ chồng tôi bù vào trả tiền cho Ngân hàng để lấy phần đất mà vợ chồng tôi chuyển nhượng trước đây là 4 công tầm 3 mét.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 10/3/2021 là 336.722.603 đồng (trong đó: Nợ gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 28.750.000đ, lãi quá hạn 54.349.315đ và tiền phạt chậm trả lãi 3.623.288đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự huyện G xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long với ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L thực hiện giao dịch với Ngân hàng ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú. Hiện nay, ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với ông Lưu Văn Quang là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Quang đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 10/3/2021 thì ông X và bà L còn nợ tiền lãi là 86.722.603 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông X, bà L phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/3/2021 là 336.722.603đ (ba trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 2508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông X và bà L không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông X và bà L đã vi phạm về thời

hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông X và bà L phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1246/17/HĐTC-BDS/1011-0861 ngày 12/6/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 04 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AN 117731, tờ bản đồ số 06, thửa số 556, diện tích là 2.100m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117732, tờ bản đồ số 06, thửa số 593, diện tích là 15.950m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117733, tờ bản đồ số 06, thửa số 513, diện tích là 3.050m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008 và giấy CNQSD đất AN 117735, tờ bản đồ số 06, thửa số 509, diện tích là 2.400m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008, cùng tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K do ông X, bà L đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông X, bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông X và bà L tổng đạt các văn bản đúng theo quy định của pháp luật và thông báo cho ông X và bà L trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông X và bà L không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông bà. Từ đó, cho thấy ông X và bà L đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông X và bà L theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn Qu và Lưu Thị N thì HĐXX thấy rằng: Ông Qu có chuyển nhượng diện tích đất là 02 công tằm 3 mét của ông X, với giá 19 chỉ vàng 24k và bà Năm có chuyển nhượng diện tích đất là 04 công tằm 3 mét của ông X, với giá 180.000.000 đồng là đúng sự thật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông Qu, bà N làm các thủ tục yêu cầu độc lập nhưng ông bà không có yêu cầu. Mặc khác, Tòa án đã thông báo cho ông Quang, bà N yêu cầu ông bà làm đơn yêu cầu độc lập nhưng đến nay ông Qu, bà N cũng không thực hiện. Hơn nữa, ông Lưu Văn Quang và Lưu Thị Năm không có tranh chấp và không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, Ông Lưu Văn Qu và Lưu Thị N có quyền khởi kiện ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L bằng một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông

Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005067 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải nộp án phí là: $336.722.603đ \times 5\% = 16.836.130,15$ đồng làm tròn là 16.836.000đ (mười sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền là 336.722.603 đồng (trong đó: Nợ gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 28.750.000đ, lãi quá hạn 54.349.315đ và tiền phạt chậm trả lãi 3.623.288đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 11142508/18/HĐTD/1011-0861 ngày 04/12/2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp, ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang xử lý tài

sản thể chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 04 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số AN 117731, tờ bản đồ số 06, thửa số 556, diện tích là 2.100m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117732, tờ bản đồ số 06, thửa số 593, diện tích là 15.950m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117733, tờ bản đồ số 06, thửa số 513, diện tích là 3.050m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008 và giấy CNQSD đất AN 117735, tờ bản đồ số 06, thửa số 509, diện tích là 2.400m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008, cùng tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K do ông X, bà L đứng tên trên giấy để thu hồi nợ.

Khi ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 04 giấy CNQSD đất: Giấy CNQSD đất số AN 117731, tờ bản đồ số 06, thửa số 556, diện tích là 2.100m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117732, tờ bản đồ số 06, thửa số 593, diện tích là 15.950m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008; giấy CNQSD đất AN 117733, tờ bản đồ số 06, thửa số 513, diện tích là 3.050m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008 và giấy CNQSD đất AN 117735, tờ bản đồ số 06, thửa số 509, diện tích là 2.400m², được UBND huyện G cấp ngày 18/8/2008, cùng tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K cho ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L.

2. Án phí DSST là: 16.836.000đ (mười sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị L phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G được nhận lại số tiền là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005067 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 10/3/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh